TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 367/2023/DS-ST
Ngày: 21-9-2023
"*Yêu cầu di dời mồ mã trả lại quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thung.
Bà Nguyễn Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà: Ông Trần Việt Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022 về "Yêu cầu di dời mồ mã trả lại quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Văn T, sinh năm 1969 *(Trương Thanh T)*.
Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Lê Minh T1, sinh năm 1952.
Ngô Văn Đ, sinh năm 1960.
Ngô Văn N, sinh năm 1962.
Nguyễn Minh L1, sinh năm 1974.
Nguyễn Văn B, sinh năm 1969.
Nguyễn Văn H, sinh năm 1946.
Lê Văn P, sinh năm 1952.
Nguyễn Văn M, sinh năm 1949.
Ngô Văn X, sinh năm 1953.
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân huyện G.

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh B, chức vụ: Chủ tịch.

(Ông T, bà L, ông T1, ông N, ông B, ông H có mặt;
Các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L trình bày:

Ông bà có sử dụng thửa đất số 342, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.259,2m^2, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07049 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/7/2009 cho ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L. Trên thửa đất 342 có 13 ngôi mộ (03 ngôi mộ đá có dán gạch men, 02 ngôi mộ thường và 08 mộ đất) là mộ của người thân các ông Lê Minh T1, ông Ngô Văn Đ, ông Ngô Văn N, ông Nguyễn Minh L1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn H, ông Lê Văn P, ông Nguyễn Văn M, ông Ngô Văn X.

Nay ông bà yêu cầu ông Lê Minh T1, ông Ngô Văn Đ, ông Ngô Văn N, ông Nguyễn Minh L1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn H, ông Lê Văn P, ông Nguyễn Văn M, ông Ngô Văn X di dời 13 ngôi mộ trên thửa đất số 342, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.259,2m^2, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07049 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/7/2009 cho ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L trả lại quyền sử dụng đất cho ông T, bà L.

Ông bà đồng ý hỗ trợ chi phí di dời cho mộ theo giá mà Hội đồng định giá đã định giá vào ngày 08/12/2022.

Trường hợp các bị đơn không đồng ý di dời các ngôi mộ này thì ông bà xin được di dời các ngôi mộ này về 01 góc đất trên thửa đất 342, đồng thời mở lối đi 01m để cho các bị đơn vào mộ, ông bà đồng ý sang tên phần đất mà ông bà di dời mộ và lối đi cho các bị đơn để quản lý và sử dụng sau này.

Tại biên bản hòa giải bị đơn ông Lê Minh T1 trình bày:

Trên thửa đất của vợ chồng ông T có 01 ngôi mộ đất đã úm xi măng tròn của ông bà ông đã có hơn 120 năm.

Nay ông T, bà L yêu cầu ông di dời ông không đồng ý di dời do mộ này đã có rất lâu ông yêu cầu giữ nguyên hiện trạng như cũ. Trường hợp gia đình ông T tự ý di dời ông không có ý kiến, ông T tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại biên bản hòa giải bị đơn ông Ngô Văn Đ và ông Ngô Văn N trình bày:

Ông Đ và ông N là anh em chú bác ruột. Trên thửa đất của vợ chồng ông T có 02 ngôi mộ đá có dán gạch men của ông bà ông Đ, ông N đã có hơn 100 năm, xung quanh mộ có xây tường bê tông từ mí ruộng lên cao khoảng 07 tấc.

Nay ông T, bà L yêu cầu ông Đ, ông N di dời ông Đ, ông N không đồng ý di dời do mộ này đã có rất lâu, ông Đ, ông N yêu cầu giữ nguyên hiện trạng như cũ. Trường hợp gia đình ông T tự ý di dời ông Đ, ông N không có ý kiến, ông T tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Trên thửa đất của vợ chồng ông T có 01 ngôi mộ bê tông của ba ông đã có hơn 30 năm.

Nay ông T, bà L yêu cầu ông di dời ông không đồng ý di dời do mộ này đã có rất lâu ông yêu cầu giữ nguyên hiện trạng như cũ. Trường hợp gia đình ông T tự ý di dời ông không có ý kiến, ông T tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Trên thửa đất của vợ chồng ông T có 04 ngôi mộ đất đã úm xi măng tròn đã có hơn 100 năm, trong đó có 01 ngôi mộ của ông bà lớn của ông; 01 ngôi mộ của gia đình ông Lê Văn Hưởng, sinh năm 1943, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang là anh em chú bác ruột của ông; 01 ngôi mộ của bác thứ 2 của ông chết không có con cái do ông đang quản lí và cúng giỗ.

Nay ông T, bà L yêu cầu ông di dời ông không đồng ý di dời do mộ này đã có rất lâu ông yêu cầu giữ nguyên hiện trạng như cũ. Trường hợp gia đình ông T tự ý di dời ông không có ý kiến, ông T tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại biên bản hòa giải bị đơn ông Lê Văn P trình bày:

Trên thửa đất của vợ chồng ông T có 01 ngôi mộ đất của bà ông đã có hơn 100 năm.

Nay ông T, bà L yêu cầu ông di dời ông không đồng ý di dời do mộ này đã có rất lâu ông yêu cầu giữ nguyên hiện trạng như cũ. Trường hợp gia đình ông T tự ý di dời ông không có ý kiến, ông T tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Trên thửa đất của vợ chồng ông T có 01 ngôi mộ đất đã úm bê tông tròn xi măng của con gái ông đã có hơn 40 năm.

Nay ông T, bà L yêu cầu ông di dời ông không đồng ý di dời do mộ này đã có rất lâu ông yêu cầu giữ nguyên hiện trạng như cũ. Trường hợp gia đình ông T tự ý di dời tôi không có ý kiến, ông T tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Minh L1 trình bày:

Trên thửa đất của vợ chồng ông T có 02 ngôi mộ đá trong đó 01 ngôi mộ có dán gạch men, 01 ngôi mộ bê tông xi măng của ông bà nội ông đã có lâu đời cụ thể bao nhiêu năm ông không rõ.

Nay ông T, bà L yêu cầu ông di dời ông không đồng ý di dời do mộ này đã có rất lâu ông yêu cầu giữ nguyên hiện trạng như cũ. Trường hợp gia đình ông T tự ý di dời ông không có ý kiến, ông T tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện G trình bày:

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính năm 1996 và bản đồ chính quy năm 2008 đối với thửa đất số 1647, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.230m^2, loại đất trồng lúa, tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 335 cấp ngày 19/3/1997 cho ông Trương Văn T và đã được cấp đổi thành thửa đất số 342, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.259,2m^2, loại đất trồng lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07049 ngày 10/7/2099 cho ông Trương Văn T bà bà Phạm Thị Ngọc L không bao gồm phần diện tích các ngôi mộ đã bốc và các ngôi mộ hiện hữu đang tranh chấp.

Đối với phần diện tích các ngôi mộ đã bốc và các ngôi mộ hiện hữu đang tranh chấp do ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L đang quản lý, sử dụng có thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dung đất hay không thì chủ sử dụng đất cần phải liên hệ với Ủy ban nhân dân xã T để xem xét, rà soát lại nguồn gốc sử dụng đất và hồ sơ địa chính, nếu đủ điều kiện thì sẽ tiến hành cấp giấy chứng nhận theo quy định.

Bị đơn ông Ngô Văn X mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông X vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L yêu cầu ông Nguyễn Văn M di dời 01 ngôi mộ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L yêu cầu ông Lê Minh T1, ông Ngô Văn Đ, ông Ngô Văn N, ông Ngô Minh L1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn H, ông Lê Văn P, ông Ngô Văn X di dời 12 ngôi mộ trên phần đất ông T, bà L đang quản lý, canh tác tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L về việc di dời 01 ngôi mộ đất úm xi măng có diện tích 1,1m^2 thuộc thửa đất 342, 02 ngôi mộ xi măng có ốp gạch men có diện tích 10,7m^2 thuộc thửa đất 340, 08 ngôi mộ đá và mộ đất úm xi măng có diện tích 74,0m^2 thuộc thửa đất 373 về phần đất ông T, bà L tự nguyện chừa ra có diện tích 100,2m^2, tạo lối đi 1m có diện tích 41,7m^2 theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 21/9/2023 và trả lại hiện trạng mộ xi xăng dán gạch, các mộ còn lại là mộ xi măng và mộ đất thì xây thành mộ xi măng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L đồng ý chuyển quyền sử dụng đất phần đất diện tích 41,7m^2 và 33m^2 thuộc thửa đất số 342, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.259,2m^2, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07049 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/7/2009 cho ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L và phần đất diện tích 67,2m^2 ông Trương Văn T đã đăng ký kê khai cho ông Lê Minh T1, ông Ngô Văn Đ, ông Ngô Văn N, ông Ngô Minh L1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn H, ông Lê Văn P, ông Nguyễn Văn M, ông Ngô Văn X theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 21/9/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Trương Văn T, bà Phạm Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu ông Lê Minh T1, ông Ngô Văn Đ, ông Ngô Văn N, ông Nguyễn Minh L1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn H, ông Lê Văn P, ông Nguyễn Văn M, ông Ngô Văn X di dời mồ mã trả lại quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử xác định đây là "Yêu cầu di dời mồ mã trả lại quyền sử dụng đất" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 14 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối tượng tranh chấp là bất động sản tại huyện G nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Xét bị đơn ông Ngô Văn Đ, ông Nguyễn Minh L1, ông Lê Văn P, ông Ngô Văn X đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý

do; bị đơn ông Nguyễn Văn M và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện G có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu:

Tại phiên tòa, ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn M di dời một ngôi mộ, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông T, bà L rút yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Thửa đất số 342, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.259,2m^2, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07049 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/7/2009 cho ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L được cấp đổi từ thửa đất số 1647, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.230m^2, loại đất lúa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 335 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 19/3/1997 cho Trương Thanh T. Trên đất có các ngôi mộ của gia đình các bị đơn đang quản lý nhưng không tự nguyện di dời nên ông T, bà L khởi kiện yêu cầu các bị đơn di dời các ngôi mộ trên đất và chịu chi phí di dời theo biên bản định giá của Hội đồng định giá.

[4.2] Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/12/2022 thể hiện: Thửa đất số 342 có diện tích đo đạc thực tế là 2.252,8m^2 chưa tính các phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: phần mộ đã bốc 14,1m^2, phần đất có 02 ngôi mộ 10,7m^2, diện tích ông T đang canh tác 5,2m^2, tổng cộng là 30m^2; phần đất đã bốc mộ 36,3m^2, phần đất có 08 ngôi mộ 74,0m^2 hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần đất ông T để làm nơi di dời mộ hiện tại có 02 ngôi mộ đang khởi kiện có diện tích 37,8m^2, phần đất đã bốc mộ 29,3m^2 hiện ông T đang quản lý, canh tác và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng diện tích các ngôi mộ hiện hữu có diện tích 85,8m^2.

[4.3] Căn cứ vào văn bản số 2089/UBND-TNMT ngày 12/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện G cung cấp thông tin thửa đất 342 không bao gồm phần diện tích mộ đã bốc và các ngôi mộ hiện hữu đang tranh chấp. Tuy nhiên, căn cứ vào văn bản số 328/UBND ngày 21/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã T cung cấp thông tin: *"Nguồn gốc sử dụng đất và hồ sơ địa chính của thửa đất 342, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.259,2m^2, địa chỉ ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07049 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày*

10/7/2009 cho ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L không có phần đất các phần mộ đã bốc và hiện hữu trên thửa đất 342 nhưng phần diện tích 24,8m^2 (trong đó có 14,1m^2 đất đã bốc mộ và 10,7m^2 hiện có 4 ngôi mộ đang khởi kiện) có nằm trong thửa đất số 1647 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 19/3/1997". Căn cứ vào đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/5/1996 của ông Trương Thanh T có đăng ký thửa 1646 diện tích 110m^2 tương ứng là phần đất ông T để di dời mộ và thửa 1848 diện tích 170m^2 tương ứng là phần đất có 08 ngôi mộ và theo bản đồ địa chính chính quy thể hiện các thửa đất có các ngôi mộ do ông T đăng ký quyền sử dụng đất tại sổ mục kê đất đai qua các thời kỳ. Cho thấy các thửa đất có các ngôi mộ đang tranh chấp là ông T quản lý và đăng ký kê khai từ năm 1996 cho đến nay.

[4.4] Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất phần đất hiện hữu của các ngôi mộ đang tranh chấp do gia đình ông T quản lý canh tác từ xưa đến giờ, nguồn gốc của gia đình ông T, các ngôi mộ trên đất không phải người thân của gia đình ông T, các bị đơn thừa nhận đang phụ trách quản lý, chăm sóc đối với các ngôi mộ mà ông T, bà L khởi kiện nhưng không đồng ý di dời vì mộ đã có rất lâu và không chứng minh được các bị đơn có đăng ký kê khai các phần đất có các ngôi mộ đang tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy các ngôi mộ trên đất đã có từ lâu về nguyên tắc cần phải công nhận quyền sử dụng đất cho các ngôi mộ này nên ông T, bà L yêu cầu các bị đơn di dời các ngôi mộ đi nơi khác là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, những người quản lý đối với các ngôi mộ này không có yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho các ngôi mộ đang tranh chấp cũng như không có phương án tôn tạo các phần mộ này; mặc khác về hiện trạng thửa đất đang được canh tác lúa mà thửa đất của ông T, bà L có rất nhiều mồ mã nằm rải rác dễ bị sạc lỡ, không thuận tiện cho việc canh tác, sử dụng đất của ông T, bà L nên cần phải xem xét để tạo điều kiện cho ông T, bà L thuận tiện trong việc quản lý, canh tác đất và thuận L cho các bị đơn quản lý,chăm sóc các ngôi mộ.

[4.5] Tại phiên tòa, ông T, bà L tự nguyện di dời các ngôi mộ mà các bị đơn không đồng ý di dời ra khỏi đất của ông T về một góc đất có diện tích 100,2m^2, đồng thời trả lại hiện trạng của các ngôi mộ dán gạch, các mộ còn lại có hiện trạng là mộ đất hoặc xi măng thì xây dựng thành mộ xi măng, tạo lối đi 1m để cho các bị đơn thuận tiện trong việc chăm sóc, viếng các ngôi mộ, ngoài ra ông T đồng ý sang tên cho các bị đơn phần đất ông T di dời mộ và tạo lối đi vào khu mộ và tự chịu chi phí di dời các phần mộ. Tại phiên tòa, ông Ông T1, ông N, ông L1, ông H không đồng ý với việc ông T, bà L xin di dời các ngôi mộ về một phần đất cũng như không đồng ý di dời các ngôi mộ là cố tình gây khó khăn cho ông T, bà L trong việc quản lý, canh tác đất và không phù hợp với tập quán xa xưa của cộng đồng dân cư. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 05/9/2023 ông M đồng ý với ý

kiến của ông T, bà L chừa ra phần đất để di dời các ngôi mộ trên đất và tạo lối đi vào phần mộ và giữ nguyên hiện trạng ngôi mộ của gia đình ông M như hiện nay nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông T, bà L và ông M.

[4.6] Tại phần đất ông T, bà L tự nguyện chừa ra để di dời mộ ngoài ngôi mộ của gia đình ông M còn có 01 ngôi mộ của gia đình ông P nên ông T, bà L tự nguyện di dời 11 ngôi mộ còn lại về phần đất này. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy ông T, bà L tự nguyện di dời mộ các ngôi mộ về một khu đất có diện tích 100,2m^2, tạo lối đi 01 m vào khu mộ có diện tích 41,7m^2 và tự nguyện sang tên cho các bị đơn phần đất này theo Sơ đồ trích đo thửa đất ngày 21/9/2023 là phù hợp với quy định tại Điều 3 Bộ luật dân sự, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông T, bà L.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L tự nguyện chịu chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đã nộp xong.

[6] Về án phí: Ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L phải chịu án phí theo quy định.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định pháp luật tố tụng và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 14 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 45, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 3, Điều 5 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 188 của Luật đất đai.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L yêu cầu ông Nguyễn Văn M di dời 01 ngôi mộ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L yêu cầu ông Lê Minh T1, ông Ngô Văn Đ, ông Ngô Văn N, ông Ngô Minh L1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn H, ông Lê Văn P, ông Ngô Văn X di dời 12 ngôi mộ trên phần đất ông T, bà L đang quản lý, canh tác tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L về việc di dời 01 ngôi mộ đất úm xi măng có diện tích 1,1m^2 thuộc thửa đất 342; 02 ngôi mộ xi măng có ốp gạch men có diện tích 10,7m^2 thuộc thửa đất 340; 08 ngôi mộ đá và mộ đất úm xi măng có diện tích 74,0m^2 thuộc thửa đất 373 về phần đất ông T, bà L tự nguyện chừa ra có diện tích 100,2m^2, tạo lối đi 1m có diện tích 41,7m^2 theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 21/9/2023 và trả lại hiện trạng mộ xi xăng dán gạch, các mộ còn lại là mộ xi măng và mộ đất thì xây thành mộ xi măng.

Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L đồng ý chuyển quyền sử dụng đất phần đất diện tích 41,7m^2 và 33m^2 thuộc thửa đất số 342, tờ bản đồ số 16, diện tích 2.259,2m^2, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07049 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 10/7/2009 cho ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L và phần đất diện tích 67,2m^2 ông Trương Văn T đã đăng ký kê khai cho ông Lê Minh T1, ông Ngô Văn Đ, ông Ngô Văn N, ông Ngô Minh L1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn H, ông Lê Văn P, ông Nguyễn Văn M, ông Ngô Văn X theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 30/01/2023.

Có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê Minh T1, ông Ngô Văn Đ, ông Ngô Văn N, ông Ngô Minh L1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn H, ông Lê Văn P, ông Nguyễn Văn M, ông Ngô Văn X được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký kê khai đối với quyền sử dụng đất theo quy định. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Ông Trương Văn T và bà Phạm Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026604 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G và được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011591 ngày 10/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy ông T, bà L được hoàn lại 300.000 đồng.

Báo các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Xuân